

# CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ VÙNG CAO BẰNG THỜI PHONG KIẾN TỰ CHỦ (TỪ THẾ KỶ XI ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX)

□ÂM THUY□IN

Xuất phát từ lợi ích giai cấp của mình duy trì quốc gia thống nhất, đẩy lùi các thế lực cát cứ và xâm l-ợc từ bên ngoài, các triều đại phong kiến Việt Nam đều đã có sự quan tâm đến việc giải quyết vấn đề dân tộc và miền núi.

Các triều Đinh, Tiền Lê, Lý thi hành sứ mệnh lịch sử tăng c-ờng thống nhất quốc gia, h-ớng mạnh lên địa bàn trung du, miền núi, vùng xa - địa bàn c- trú của nhiều thành phần tộc ng-ời. Đặc điểm của sự nghiệp từng b-ớc thiết lập lãnh thổ quốc gia dân tộc thống nhất là phải đồng thời giải quyết nhiều mâu thuẫn, trong đó mâu thuẫn lớn nhất là sự bất đồng lợi ích giữa Nhà n-ớc tập quyền chuyên chế và giới th-ợng l-u trong các tộc ng-ời. Các tù tr-ởng, thủ lĩnh miền núi, miền xa th-ờng nổi dậy cát cứ, chống lại triều đình Trung - ơng. Sử cũ cho biết, d-ới thời Lý Thái Tổ trong 18 năm (1010 - 1028) có tới 10 cuộc nổi dậy và đánh dẹp. D-ới thời Lý Thái Tông trong 26 năm (1028 - 1054) có tới 16 cuộc nổi dậy và đánh dẹp [2, tr.92]. Trong đó địa bàn miền núi phía Bắc có các cuộc nổi dậy và đánh dẹp ở các châu Vị Long (Chiêm Hoá), Đô Kim (Hàm Yên), Th-ợng Tân... (đều thuộc đất Tuyên Quang), Quảng Nguyên (Cao Bằng), châu Bình Nguyên (Thất Khê, Lạng Sơn), Đại Nguyên Lịch (vùng Quảng Ninh), châu Định Nguyên, Trê Nguyên (vùng Tây Bắc - Lào Cai - Yên Bái)... Trong đó, đáng chú ý nhất và có quy mô lớn nhất là cuộc nổi dậy của các tù tr-ởng họ Nùng ở Quảng Nguyên. Sau Nùng Dân Phú, Nùng Tôn Phúc và anh em của ông đều đ-ợc Lý Thái Tổ phong làm thủ lĩnh ở địa ph-ơng. Năm 1038 Nùng Tôn Phúc nổi dậy cát cứ muốn tách khỏi sự ràng buộc "ky my" của nhà Lý, Tôn Phúc tự x-ng Chiêu Thánh hoàng đế, lập n-ớc Tr-ờng Sinh, xây thành Nà Lự (ở phía Tây thị xã Cao

Bằng), phong cho con là Nùng Trí Thông làm Điền Nha V-ơng. Nùng Tôn Phúc đã bị Lý Thái Tông đánh dẹp (1039). Con là Nùng Trí Cao chạy thoát, năm 1041 trở về Thăng Do đổi tên n-ớc làm Đại Lịch, Lý Thái Tông đánh bắt đ-ợc Trí Cao, nh-ng muốn phủ dụ lại tha cho, vẫn cho giữ châu Quảng Nguyên nh- cũ, phụ thêm 5 động Lôi Hoả, Bình, An, Bà và cả châu T- Lang nữa.

Năm 1043, Lý Thái Tông còn sai Ngụy Tr-ng đến châu Quảng Nguyên phong cho Trí Cao chức Thái Bảo (Việt sử l-ợc chép là Quận V-ơng) và ban cho đô ấn. Năm 1048, Trí Cao lại nổi dậy, chiếm lấy châu An Đức (nay là Tĩnh Tây, Quảng Tây) và lại dựng n-ớc Nam Thiên, xin thần phục nhà Tống, nh-ng bất thành. Năm 1052, Trí Cao đem 5000 quân chiếm trại Hoàn Sơn rồi theo sông Tây Giang đánh chiếm thành Ung Châu (Nam Ninh). Sau đó, hạ thêm 9 thành và vây hãm thành Quảng Châu. Cuộc nổi dậy của Nùng Trí Cao đã chấn động cả một vùng L-ỡng Quảng, nh-ng cuối cùng bị triều đình Tống trấn áp và thất bại.

Sự nổi dậy lập quốc của Nùng Tôn Phúc và Nùng Trí Cao, về khách quan là một hiện t-ợng lịch sử, là b-ớc quá độ từ hình thức liên minh bộ lạc sang hình thức tổ chức chính trị - tộc ng-ời theo g-ơng các n-ớc Tống, Việt. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, họ không thể thành công, mà con đ-ờng tồn tại và phát triển hợp lý duy nhất chỉ có thể là hoà hợp vào cộng đồng Đại Việt. Thực tế lịch sử đã chứng minh điều đó. Mặc dầu vậy, Nùng Trí Cao vẫn đ-ợc coi là một vị anh hùng trong tâm thức của nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Choang, từ Cao Bằng đến Quảng Tây (Trung Quốc) nhiều nơi đã lập đền thờ ông [3, tr.38].

Qua các cuộc đánh dẹp, nhà n-ớc chuyên chế thời Lý đã khẳng định quyền lực và xác định vùng lãnh thổ quốc gia Đại Việt, tăng c-ờng thống nhất đất n-ớc. Tuy nhiên việc đánh dẹp chỉ là bất đắc dĩ. Chính sách chủ yếu đối với miền núi của các v-ong triều phong kiến Việt Nam nói chung là chính sách "nhu viễn" (mềm dẻo ph-ong xa) là lôi kéo đoàn kết các tộc ng-ời miền núi, vùng biên viễn về với triều đình thông qua các tù tr-ởng, thủ lĩnh của họ, bằng cách cầu thúc, bằng quan hệ hôn nhân và phong chức t-ớc. Việc gả công chúa cho các tù tr-ởng thiếu số trở thành lệ th-ờng d-ới thời Lý. Dòng họ Giáp ở Lạng Châu (Lạng Sơn) nhiều đời là phò mã của triều đình; Lý Thái Tông gả công chúa Khâm Thánh cho châu mục Hà Dị Khánh ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang) và vị châu mục này khi đ-ợc phong chức đại thần Thái phó, đã khắc bia thê rằng:

*Ở chốn này kẻ bề tôi coi giữ đất nhà vua*

*Ôm mãi lý t-ởng ngày ngày trông ngóng*

(Bia Bảo Ninh Sùng Phúc).

Thủ lĩnh D-ong Tự Minh đ-ợc Vua Lý gả công chúa Thiệu Dung và phong làm Tri phủ Phú L-ong, cai quản một vùng đất rộng lớn từ Thái Nguyên đến Cao Bằng. Ông đã cùng nhân dân Tày - Nùng Cao Bằng chống lại sự xâm lấn của quan quân nhà Tống, thu hồi các vùng lãnh thổ từ Quảng Nguyên - Hạ Lang đến Hà Quảng - Thông Nông đầu thế kỷ XII.

Bằng những chính sách đúng đắn, sáng tạo, khôn khéo, kiên quyết, kịp thời, v-ong triều Lý đã củng cố quyền lực, thiết lập các khu vực hành chính ở miền núi biên giới, xây dựng có cơ sở chính trị cho cuộc đấu tranh ngoại giao và quân sự với triều Tống. Chính sách đối ngoại tích cực của nhà Lý đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ c-ong vực các châu biên giới trong đó có Quảng Nguyên. Các triều đại sau theo nền tảng cơ bản đó tiếp nối giữ gìn, bảo vệ. Từ triều Trần, việc phong chức cho các thổ tù miền núi đặc biệt đ-ợc coi trọng. Triều Lê đặt ra một hệ thống quan chức cao thấp khác nhau nh- chức đoàn

luyện, thủ ngự, thủ mục, tri châu, đại tri châu để bổ dụng cho các thổ tù miền núi. Một số tù tr-ởng có công còn đ-ợc phong những t-ớc vị cao nh- : T- không bình ch-ong sự, Th-ợng t-ớng quân, Đại t-ớng quân...

Trong số các thổ tù miền núi đ-ợc phong chức t-ớc của triều đình không chỉ có những tù tr-ởng gốc dân tộc tại chỗ, mà còn bao gồm cả những quan lại, quý tộc gốc miền xuôi đã địa ph-ong hoá. Những thổ tù mang chức t-ớc của triều đình phải phục tùng Trung -ong về mặt chính trị và hàng năm phải nộp một số cống ph-ủ. Họ vẫn đ-ợc cha truyền con nối cai quản dân địa ph-ong theo phong tục tập quán riêng. Luật thời Lê, Điều 40 (Ch-ong Danh lệ) quy định "Những ng-ời miền th-ợng du cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những ng-ời th-ợng du phạm tội với ng-ời trung châu thì theo luật mà định tội"; Điều 41 (Ch-ong Đạo tặc): "Ng-ời Man Liêu c-ớp bóc của nhau, giết nhau, thì xử tội nhẹ hơn tội c-ớp, giết ng-ời một bậc; nếu hoà giải với nhau thì cũng cho" [4, tr. 47, 164].

Sau khi trấn áp xong cuộc khởi nghĩa của Nùng Trí Cao, nhà Lý vẫn giao cho con cháu dòng họ Nùng và các thổ tù khác cai quản châu Quảng Nguyên, L-u Kỷ giữ chức quan sát sứ châu Quảng Nguyên, Nùng Tôn Đản, Hoàng Lục, Hoàng Trọng Khanh... đều là những thổ mục có thế lực ở địa ph-ong, có nhiều cống hiến trong việc phòng thủ biên c-ong. Trong cuộc kháng chiến chống Tống d-ới thời Lý, Nùng Tôn Đản từng đ-ợc Lý Th-ờng Kiệt giao nhiệm vụ tổng chỉ huy đạo quân miền núi thực hiện cuộc tiến công chiến l-ợc sang đất Tống 1076; Hoàng Lục một chủ động m-u trí dũng cảm đã lãnh đạo ng-ời bản bộ chống trả quân Tống do Yến Đạt chỉ huy khi chúng v-ợt biên giới tiến vào đất Quảng Nguyên.

Bên cạnh chính sách "nhu viễn" đ-ợc các v-ong triều phong kiến sử dụng nh- là một "quốc sách" hàng đầu, phổ biến, lâu dài thì việc cử quan lại miền xuôi lên trấn trị miền núi cũng là "một sự kiện lịch sử kéo dài hàng xuyên, khởi

đầu từ thời Đại Việt Lý - Trần và đặc biệt phát triển trong thời Lê - Nguyễn, nhất là khi vua Minh Mạng thực hiện chính sách "cải Thổ quy l-u" (bỏ quan ng-ời dân tộc đ-a l-u quan từ kinh đô lên trực tiếp nắm quyền cai trị" [5, tr.16].

Đến thế kỷ XV ở Cao Bằng đã có một số dòng họ lớn nh- Hoàng, Nùng (Nông), Nguyễn, L-ong, Đàm, Tống.... Sau cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, nhà Lê đã phong chức phụ đạo cho các họ Hoàng, Nguyễn, Nùng, Bế ở địa ph-ong. Trong đó, một số dòng họ gốc ở tỉnh Thanh Hoá, Bế Nguyễn, Bế Kim, Hoàng [ch sinh sống lâu đời ở Cao Bằng đã địa ph-ong hoá. Dòng họ Bế đ-ợc triều đình công nhận là phiên thân thế tập và đ-ợc giao nhiệm vụ cai quản quân dân ở địa ph-ong.

Nhiều viên quan miền xuôi đ-ợc triều đình cất cử lên Cao Bằng đã làm đ-ợc một số việc tốt, góp phần đoàn kết các dân tộc, đ-ợc nhân dân địa ph-ong kính trọng. Nguyễn Đình Bá là một viên quan quê H-ng Yên đ-ợc triều đình phái lên trấn giữ vùng quan yếu ở Cao Bằng đã có công giải quyết tình trạng dân phiêu tán, đ-a nhân dân trở lại với đồng ruộng, phục hoang, xây dựng lại m-òng bản, củng cố vùng biên c-ong. Sau khi ông mất, nhân dân địa ph-ong mến phục tài năng, đức độ của ông và đã lập đền thờ [6, tr.90] (Hiện nay đền thờ ông ở làng Huyền Ru, xã Thanh Nhật, huyện Hạ Lang). Con cháu ông nối nghiệp, trở thành một trong những phiên thân có thế lực ở địa ph-ong.

Vua Lê Thánh Tông quy chế hoá thể lệ cất nhắc những viên quan lại lên cai quản miền biên viễn: "Tr-ớc đây, có sắc lệnh cho viên quan nào giữ chức nơi biên viễn đủ 9 năm thì đ-ợc điều động giữ chức ở nơi kinh huyện. Đến nay nhà vua ra sắc lệnh " Phàm quan viên giữ việc ở nơi biên viễn lam ch-ớng, ng-ời nào biết hết lòng vỗ về th-ong yêu nhân dân, không những nhiều về việc thúc giục tô thuế mà thuế khóa vẫn đ-ợc đủ số, thì khi mãn hạn 6 năm chuẩn cho đ-ợc đổi về chốn thủy thổ lành. Nếu ng-ời nào thác cố đau

ốm, tìm đ-ờng trốn tránh, thuế khoá phân nhiều thiếu thốn, thì lại đổi đi nơi biên viễn, đợi đủ 6 năm sẽ l-ợng xét cho thuyên chuyển" [7, tr. 1069].

Nguyên tắc bảo vệ biên giới d-ới thời Lê Sơ đ-ợc đẩy cao hơn một b-ớc:

*Biên phòng cần có ph-ong l-ợc tốt*

*Đất n-ớc nên lo kế lâu dài.*

(Lê Lợi)

Lê Thánh Tông hạ sắc dụ cho các thổ quan ở vùng biên giới rằng: "Ng-ời bây tôi giữ đất đai của triều đình, chức phận là phải bảo toàn lãnh thổ, an ủi nhân dân, bẻ gãy những mũi nhọn tiến công, chống cự những kẻ khinh rẻ n-ớc mình" [8,tr.1037]. Hoặc "Những ng-ời bán ruộng đất cho ng-ời n-ớc ngoài thì bị tội chém" (Điều 25 - Ch-ong Vệ Cấm). Theo Lê Thánh Tông "Một th-ớc núi, một tác sông của ta lẽ nào tự tiện vứt bỏ đi đ-ợc ? Phải kiên quyết tranh luận, không để cho họ lấn dần. Nếu họ không theo còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu ng-ời nào dám đem một th-ớc núi, một tác đất đai của Thái Tổ làm mối cho giặc, ng-ời ấy sẽ bị trừng trị nặng [9,tr.1121].

Luật Hồng Đức quy định: "Các quan t-ớng suý tại các phiên trấn đến những châu huyện ở trấn mình sách nhiễu tiền tài, của nhân dân bị biếm 3 bậc... những ng-ời gia thuộc làm việc sách nhiễu để làm rối loạn trong hạt thì luận tội khác. Khi chiêu dụ dân Man Liêu mà tự tiện phá nhà cửa, lấy súc vật, tài sản của dân thì bị tội biếm hay bị đồ" (Điều 67, ch-ong Vi chế).

Những quy định trên góp phần nâng cao uy tín của nhà n-ớc Lê Sơ trong vùng dân tộc, gắn bó đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng quốc gia Đại Việt. Kết quả đó đ-ợc l-u truyền trong dân gian Cao Bằng nh- sau:

*" Ai biết thời vua Lê thịnh trị*

*Vua chính gặp văn võ tập trung*

*Thu phục dân đông tây khắp n-ớc".*

[10, tr. 227]

Trên cơ sở đoàn kết đ-ợc toàn dân, năm 1467 Lê Thánh Tông đã sai tiến hành điều tra hình thế núi sông, địa giới và sản vật của các địa ph-ong để xây dựng bản đồ cả n-ớc. Năm 1469 bản đồ Hồng Đức hoàn thành, xác định chặt chẽ lãnh thổ và c-ong giới của đất n-ớc.

Có một sự kiện lịch sử đã ảnh h-ởng khá lớn đến tình hình chính trị, xã hội các vùng miền Đông (Quảng Uyên, Phục Hoà, Hạ Lang, Th-ợng Lang) của Cao Bằng. Đó là việc triều Mạc chiếm cứ vùng đất Cao Bằng từ năm 1594 đến năm 1677. Năm 1594 Mạc Kính Cung tự lập Càn Thống hoàng đế ở đất Cao Bằng, chấn chỉnh kỷ c-ong mọi mặt, sắp xếp mọi công việc nh- lúc nhà Mạc còn ở kinh đô Thăng Long. Họ Mạc lo việc an phục nhân tâm: mở tr-ờng dạy học, mở khoa thi, thu phục nhân tài (Trong triều Mạc ở Cao Bằng có một ng-ời Tày làm quan tới chức T- thiên quản nhạc - trông coi khoa Chiêm tinh và phụ trách đội nhạc của nhà Mạc. Ông này để lại nhiều bài thơ nôm Tày có giá trị còn l- u lại trong vùng đồng bào Tày Cao Bằng). Nhà Mạc khuyến khích phát triển nông nghiệp và thủ công nghiệp (còn l- u lại trong truyền thuyết vùng Khâu Khẩu). Vùng giáp ranh giữa Hoà An với Nguyên Bình, còn có bia đá ghi công những quan lại có thành tích khẩn hoang ở Ngân Sơn. Thời đó nhiều ngành nghề thủ công phát triển: làm giấy, làm pháo, mộc nề, canh cửi, nghề rèn (nhiều sản phẩm ở Quảng Uyên vẫn nổi tiếng đến ngày nay). Nhà Mạc mở mang giao thông (mở đ-ờng vòng quanh thành Cao Bình xuống vùng Đà Quận, đ-ờng men theo bờ sông Mãng vào hậu cứ Lũng Chung, Nguyên Bình) và đ-ờng đất từ Cao Bằng xuống 3 châu miền đông Cao Bằng ngựa xe đi lại thuận tiện, lập chợ búa (mở chợ tại kinh đô Cao Bình gọi là "Háng Shéng"); giao l- u kinh tế dọc biên giới trở nên sầm uất, nhiều chợ nổi tiếng đi cả vào trong thơ ca then, bụt của ng-ời Tày nh- "Háng Nhất" "Lùng Chu" ở bên kia biên giới "Pác Nặm" (Thủy Khẩu - Phục Hoà), các lái buôn trong và ngoài n-ớc có thể ng-ợc sông Bằng chở hàng hoá lên vùng trung tâm lòng máng Cao Bình để buôn bán.

Nhà Mạc cũng đào tạo nhiều tri thức địa ph-ong, chỉnh lý lại nhiều điều then, giảng, khuyến khích hát then ở miền Đông trong các phiên chợ (đây là thời kỳ xuất hiện nhiều truyện nôm Tày khuyết danh còn l- u truyền đến ngày nay), giảm bớt hình phạt, xử tội nặng các quan lại những nhiều, đực khoét nhân dân. Những dịp hội hè, vua quan cùng trăm họ vui chung.

Triều Mạc ở Cao Bằng, đã tạo dựng đ-ợc trật tự xã hội, mở mang dân trí, phát triển bách nghệ, làm cho Cao Bằng trở thành một xã hội văn minh hơn nhiều. Những chính sách và biện pháp tích cực nh- vậy đã hoà hoãn đ-ợc mâu thuẫn, liên kết nhân dân các dân tộc ở địa ph-ong.

Sau sự kiện năm 1677, triều đình Lê - Trịnh tiếp tục đánh dẹp Nhà Mạc [11, tr. 349], bổ dụng quan lại làm đốc trấn Cao Bằng cho phép "đ-ợc tùy tiện thi hành mọi việc" [12, tr. 408]. Năm 1724, theo lời xin của Nguyễn Trù- Đốc trấn Cao Bằng, triều đình hạ lệnh cho phiên thân Thái Nguyên đem quan bản thổ luân chuyển đi thú, định lệ cứ mỗi năm 1 lần thay đổi [13, tr. 443].

D-ới thời Lê - Trịnh thuế khoá và lao dịch ở Cao Bằng phiền phức nặng nề; nhiều lần các bầy tòi phiên trấn đã về kinh bày tỏ sự đau khổ chông chất của dân. Triều đình cho giảm bớt các sở tuân ty (Na Lữ, □n Lại, Khê Lược và Thẩm Toán) và các loại thuế phụ nh- thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả (nộp 65 gánh) và vải thổ, ... "Từ đấy, dân ở bốn châu (Th-ợng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm, Quảng Uyên), mới dần dần đ-ợc yên nghỉ" [14, tr. 458]. Năm 1745, "giặc Mạc vây Cao Bằng. Đốc đồng Trần Doanh Lâm dẹp yên đ-ợc. Sau đó, lại chiêu tập dân phiêu tán, cho họ trở về yên nghiệp làm ăn" [15, tr. 582]. Năm 1754, "dân Cao Bằng bị đói, triều đình hạ lệnh xuất 300 lượng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân. Nhân đó, hạ lệnh cho ti Trấn thủ xét đúng sự thực về số dân trong hạt và số hộ khẩu bị l- u tán" [16, tr. 625].

Trên vùng đất Cao Bằng "năm Minh Mệnh thứ 12, đổi trấn làm tỉnh, đặt hai ty bố chính và

án sát thuộc tuần phủ Lạng - Bằng kiêm lãnh,... năm thứ 15 đổi châu làm huyện, năm thứ 16, chia Thạch Lâm làm hai huyện Thạch Lâm và Thạch An, đặt riêng phủ Hoà An, bỏ thổ quan đều đặt l-u quan, năm Tự Đức thứ 4, bỏ phủ Hoà An. Lãnh 1 phủ, 5 huyện” [19, tr.402].

Về kinh tế – xã hội: Sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, các chính sách của Nhà nước phong kiến tập quyền, sự nhập cư mạnh mẽ của các tộc người từ miền xuôi lên, từ bên kia Trung Quốc tràn sang, giao lưu kinh tế, văn hoá giữa các vùng miền, dân tộc gia tăng qua các thời kỳ lịch sử v.v... đã từng bước đưa đến sự suy yếu của chế độ phiên thân - chế độ Quảng. Đầu thời Nguyễn đã chủ trương thực hiện cải cách ruộng đất để tạo ra một tầng lớp hữu sản mới làm chỗ dựa cho vương triều. Nhà Nguyễn đã cho lập sổ địa bạ, xác nhận quyền thực hữu ruộng đất cho nông dân cũng như các tầng lớp thống trị trên cơ sở nguyên canh, đã phá vỡ cơ sở kinh tế, xã hội của chế độ thổ tù cũ.

Về mặt chính trị, việc sắp xếp lại bộ máy chính quyền tại các vùng dân tộc thiểu số miền núi, thực hiện chính sách "Cải thổ quy l-u" (tức bỏ chế độ thổ quan, cử các quan lại miền xuôi lên cai trị)... đã chấm dứt sự tồn tại của chế độ thổ tù ở miền núi.

Chính sách của các triều đại phong kiến trong các thế kỷ XI - XIX đã dần dần tác động gây biến đổi nhiều mặt đối với xã hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Cao Bằng.

**Kết luận:** Các vương triều phong kiến Việt Nam, mặc dù do bản chất giai cấp chi phối là áp bức bóc lột nhân dân lao động các dân tộc, nhưng sự tồn vong của bản thân và nhất là trong giai đoạn lịch sử đang còn đại diện cho dân tộc, đã đề ra được nhiều chính sách và biện pháp có tính chất tích cực đối với miền núi biên giới trong đó có tỉnh Cao Bằng. Các vua Lý đặt chế độ thổ quan, thời Lê sơ tăng cường ảnh hưởng của triều đình trung ương thông qua chính

sách "phiên thân", đến triều Nguyễn... đặt chế độ "thổ quan" và "l-u quan" kết hợp. Các chính sách này có ý nghĩa tích cực trong việc củng cố quốc gia thống nhất, đẩy lùi các thế lực cát cứ, thế lực xâm lược từ bên ngoài, giữ gìn được an ninh biên giới, mặt khác, có ý nghĩa to lớn góp phần thúc đẩy kinh tế, xã hội Cao Bằng phát triển, nhờ đó mạng lưới buôn bán xuôi ngược được mở rộng, giao thông được mở mang. Sự giao thoa văn hoá giữa các dân tộc miền xuôi, miền ngược ngày một sâu rộng, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình tộc người ở Cao Bằng trong các giai đoạn lịch sử sau đó.

#### Tài liệu tham khảo:

- 1, 19. QSQTN (1992), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập IV, Nxb Thuận Hoá, Huế.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hoàng Hiên Phan (1957), *Choang tộc giản sử*, Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã.
4. *Quốc triều hình luật* (1995), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
5. Hội Văn nghệ Cao Bằng (1993), *Văn hoá dân gian Cao Bằng*, Xuất bản.
6. Đàm Thị Uyên (1998), *Chính sách dân tộc của các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb Văn hoá Dân Tộc, Hà Nội.
- 7, 8, 9. QSQTN (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Hoàng Quyết – Ma Khánh Bằng..(1993), *Văn hoá truyền thống Tày – Nùng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
- 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18. QSQTN (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.